

Số: 823/TB-SGTVT

Sơn La, ngày 23 tháng 3 năm 2023

## THÔNG BÁO

**Xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022**  
**Đơn vị được thông báo: Ban Quản lý bảo trì đường bộ**  
**Mã chương 421**

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài Chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 43/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La; số 2998/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 về việc ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2022 và số 2999/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022; số 96/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 về việc phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh năm 2022; số 100/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh năm 2022;

Căn cứ các Quyết định của Sở GTVT: Số 726/QĐ-SGTVT ngày 31/12/2021 giao dự toán thu, chi NSNN, nguồn kinh phí sự nghiệp giao thông năm 2022; số 456/QĐ-SGTVT ngày 30/8/2022; số 605/QĐ-SGTVT ngày 23/11/2022 giao bổ sung và thu hồi kinh phí tổ chức các hoạt động chào mừng Kỷ niệm 60 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào; 45 năm ký Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào và đón nhận Bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt Khu di tích lịch sử Việt Nam - Lào; số 685/QĐ-SGTVT ngày 31/12/2022 về việc giao bổ sung kinh phí thực hiện đầu tư, sửa chữa công trình khắc phục hậu quả thiên tai năm 2022 trên hệ thống đường tỉnh của Sở Giao thông vận tải.

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 của Ban Quản lý bảo trì (QLBT) đường bộ và Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 ngày 21/3/2022 giữa Sở Giao thông vận tải và Ban QLBT đường bộ.

Sở Giao thông vận tải (GTVT) Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 như sau:

### I. Phân số liệu

#### 1. Số liệu quyết toán chi ngân sách

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: **0 đồng.**

- Dự toán được giao trong năm: **92.513.000.000 đồng.**

Trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm (nguồn kinh phí sự nghiệp giao thông):

**77.433.000.000 đồng.**

+ Dự toán bổ sung trong năm (nguồn dự phòng ngân sách tỉnh):	15.080.000.000	đồng.
<b>- Kinh phí thực nhận trong năm:</b>	<b>92.513.000.000</b>	<b>đồng.</b>
+ Nguồn kinh phí sự nghiệp giao thông:	77.433.000.000	đồng.
+ Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh:	15.080.000.000	đồng.
<b>- Kinh phí quyết toán:</b>	<b>92.479.197.000</b>	<b>đồng.</b>

**Trong đó:**

+ Kinh phí đã được duyệt quyết toán trong năm		
-KP ĐBGT đoạn QL4G-Cửa khẩu Chiềng khương, ĐT.115	78.064.000	đồng.
+ Kinh phí giảm dự toán trong năm (hủy DT)	1.936.000	đồng.
+ Kinh phí còn lại xét duyệt quyết toán:	92.401.133.000	đồng.

**Gồm:**

(1) Nguồn kinh phí sự nghiệp giao thông:	77.401.133.000	đồng.
<i>Sửa chữa thường xuyên:</i>	40.954.532.000	đồng.
<i>Sửa chữa định kỳ:</i>	25.885.668.000	đồng.
<i>Sửa chữa đột xuất:</i>	10.560.933.000	đồng.
(2) Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh:	15.000.000.000	đồng.
<b>- Kinh phí còn dư hủy dự toán:</b>	<b>31.867.000</b>	<b>đồng.</b>
<b>- Số dư được chuyển sang năm sau sử dụng:</b>	<b>0</b>	<b>đồng.</b>
+ Kinh phí đã nhận:	0	đồng.
+ Dự toán còn dư tại KBNN:	0	đồng.

*(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c kèm theo)*

**2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính**

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN : 0 đồng.
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN : 0 đồng.
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng.

**3. Thuyết minh số liệu quyết toán**

**- Dự toán giao: 92.513.000.000 đồng.**

**- Số liệu đề nghị quyết toán: 92.479.197.000 đồng; trong đó:**

+ Số liệu đã xét duyệt quyết toán: 78.064.000 đồng (*theo Thông báo thẩm định quyết toán của Sở Tài chính số 175/TB-TC ngày 07/10/2022*).

+ Số liệu giảm dự toán trong năm: 1.936.000 đồng (*thu hồi dự toán theo QĐ số 2384/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh*).

+ Số liệu còn lại xét duyệt quyết toán: 92.401.133.000 đồng.

**- Dự toán còn dư (hủy dự toán): 31.867.000 đồng.**

**- Số liệu xét duyệt quyết toán: 92.479.197.000 đồng; trong đó:**

+ Số liệu đã xét duyệt quyết toán: 78.064.000 đồng (theo Thông báo thẩm định quyết toán của Sở Tài chính số 175/TB-TC ngày 07/10/2022).

+ Số liệu giảm dự toán trong năm: 1.936.000 đồng (thu hồi dự toán theo QĐ số 2384/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh).

+ Số liệu còn lại xét duyệt quyết toán: 92.401.133.000 đồng.

- **Dự toán còn dư (hủy dự toán): 31.867.000 đồng;** lý do: Chênh lệch thuế VAT giảm 2% giữa dự toán duyệt và giá trị nghiệm thu (theo NĐ số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ) của hạng mục vận hành, khai thác bến phà Nậm Ét, đường tỉnh 116.

- **Chênh lệch:** Không.

- Sở GTVT xét duyệt quyết toán chi NSNN năm 2022 đối với kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quản lý, sử dụng và khai thác hạ tầng các tuyến đường tỉnh trên cơ sở số liệu báo cáo quyết toán, hồ sơ thanh toán, chứng từ, sổ sách kế toán do Ban QLBT đường bộ cung cấp. Ban QLBT đường bộ chịu trách nhiệm về tính pháp lý và số liệu của nội dung này.

#### **4. Giá trị công trình hoàn thành chuyển tiếp năm sau quyết toán**

Đối với các dự án chuyển tiếp năm 2022 sang năm 2023, Sở GTVT ghi nhận khối lượng thực hiện: 2.569.786.000 đồng. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp dự toán đơn vị thực hiện giải ngân, quyết toán theo quy định.

## **II. Nhận xét và kiến nghị**

### **1. Nhận xét**

- Kinh phí sử dụng và kinh phí còn dư đề nghị hủy dự toán khớp đúng số liệu tại Kho bạc Nhà nước Sơn La; hồ sơ dự toán, thanh quyết toán đầy đủ.

- Đơn vị nộp báo cáo quyết toán đảm bảo đúng thời gian quy định.

### **2. Kiến nghị**

Trong quá trình thanh tra, kiểm toán nếu phát hiện các khoản thu, chi không đúng chế độ, đề nghị Ban QLBT đường bộ báo cáo về Sở GTVT để điều chỉnh số liệu cho phù hợp.

Sở GTVT Thông báo kết quả xét duyệt quyết toán đến Ban QLBT đường bộ được biết và triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban QLBT đường bộ;
- Sở Tài chính Sơn La;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, KHTC, (Ngh 06b).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Chính**

**SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022****ĐƠN VỊ: BAN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ***(Kèm theo Thông báo số 823/TB-SGTVT ngày 23/3/2023 của Sở GTVT Sơn La)***Phần 1- TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ***DVT: Đồng*

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Tổng số			Loại khoản: 292			Ghi chú
			Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	
A	B		1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	7
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>								
<b>I</b>	<b>NGUỒN NS TRONG NƯỚC</b>								
<b>1</b>	<b>Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)</b>	<b>01</b>	-	-	-	-	-	-	
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	02							
	- Kinh phí đã nhận	03							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	04							
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	05							
	- Kinh phí đã nhận	06							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	07							
<b>2</b>	<b>Dự toán được giao trong năm (08=09+10)</b>	<b>08</b>	<b>92.513.000.000</b>	<b>92.513.000.000</b>	-	<b>92.513.000.000</b>	<b>92.513.000.000</b>	-	
	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	09						-	
	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	92.513.000.000	92.513.000.000	-	92.513.000.000	92.513.000.000	-	
	Nguồn KP sự nghiệp giao thông		77.433.000.000	77.433.000.000	-	77.433.000.000	77.433.000.000	-	
	Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh		15.080.000.000	15.080.000.000	-	15.080.000.000	15.080.000.000	-	
<b>3</b>	<b>Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)</b>	<b>11</b>	<b>92.513.000.000</b>	<b>92.513.000.000</b>	-	<b>92.513.000.000</b>	<b>92.513.000.000</b>	-	
	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12			-			-	
	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	92.513.000.000	92.513.000.000	-	92.513.000.000	92.513.000.000	-	

Chi tiêu	Nội dung	Mã số	Tổng số			Loại khoản: 292			Ghi chú
			Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	
A	B		1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	7
	Nguồn KP sự nghiệp giao thông		77.433.000.000	77.433.000.000	-	77.433.000.000	77.433.000.000	-	
	Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh		15.080.000.000	15.080.000.000	-	15.080.000.000	15.080.000.000	-	
<b>4</b>	<b>Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)</b>	<b>14</b>	<b>92.513.000.000</b>	<b>92.513.000.000</b>	<b>-</b>	<b>92.513.000.000</b>	<b>92.513.000.000</b>	<b>-</b>	
	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15			-			-	
	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	92.513.000.000	92.513.000.000	-	92.513.000.000	92.513.000.000	-	
	Nguồn KP sự nghiệp giao thông		77.433.000.000	77.433.000.000	-	77.433.000.000	77.433.000.000	-	
	Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh		15.080.000.000	15.080.000.000	-	15.080.000.000	15.080.000.000	-	
<b>5</b>	<b>Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)</b>	<b>17</b>	<b>92.479.197.000</b>	<b>92.479.197.000</b>	<b>-</b>	<b>92.479.197.000</b>	<b>92.479.197.000</b>	<b>-</b>	
	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18			-			-	
	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	92.479.197.000	92.479.197.000	-	92.479.197.000	92.479.197.000	-	
	<b>Trong đó:</b>				-			-	
	Kinh phí đã được xét duyệt quyết toán trong năm		78.064.000	78.064.000	-	78.064.000	78.064.000	-	Thông báo TDQT của Sở TC số 175/TB-TC ngày 07/10/2022
	Thu hồi dự toán trong năm		1.936.000	1.936.000	-	1.936.000	1.936.000	-	QĐ số 2384/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh
	<b>Kinh phí còn lại đề nghị xét duyệt quyết toán; trong đó:</b>		<b>92.401.133.000</b>	<b>92.401.133.000</b>	<b>-</b>	<b>92.401.133.000</b>	<b>92.401.133.000</b>	<b>-</b>	
	Nguồn KP sự nghiệp giao thông		77.401.133.000	77.401.133.000	-	77.401.133.000	77.401.133.000	-	
	Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh		15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	
<b>6</b>	<b>Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)</b>	<b>20</b>	<b>31.867.000</b>	<b>31.867.000</b>	<b>-</b>	<b>31.867.000</b>	<b>31.867.000</b>	<b>-</b>	
6.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21=22+23+24)	21			-			-	
	- Đã nộp NSNN	22			-			-	
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	23			-			-	
	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)	24			-			-	
6.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	25	31.867.000	31.867.000	-	31.867.000	31.867.000	-	
	- Đã nộp NSNN	26			-			-	
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	27			-			-	

Chi tiêu	Nội dung	Mã số	Tổng số			Loại khoản: 292			Ghi chú
			Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	
A	B		1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	7
	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	28	31.867.000	31.867.000	-	31.867.000	31.867.000	-	
7	<b>Số dư kinh phí được phép chuyển sang kỳ sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)</b>	<b>29</b>	-	-	-	-	-	-	
7.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	30							
	- Kinh phí đã nhận	31							
	- Dự toán còn dư ở kho bạc	32							
7.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	33							
	- Kinh phí đã nhận	34							
	- Dự toán còn dư ở kho bạc	35							

**Phần 2- CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN**

*DVT: Đồng*

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số			Nguồn NSNN			Phí được khấu trừ	Nguồn HĐ khác được để lại	Ghi chú
					Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	NSNN (nguồn kinh phí sự nghiệp giao thông)	Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh	Khác			
A	B	C	D	E	1	2	3=2-1	4	5	6	7	8	9
				<b>I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ</b>									
				<b>II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</b>									
	<b>292</b>	<b>6900</b>	<b>6922</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>92.479.197.000</b>	<b>92.479.197.000</b>		<b>77.401.133.000</b>	<b>15.078.064.000</b>				
				<b>Kinh phí đã được xét duyệt quyết toán trong năm</b>	<b>78.064.000</b>	<b>78.064.000</b>			<b>78.064.000</b>				
				<b>Kinh phí còn lại xét duyệt quyết toán</b>	<b>92.401.133.000</b>	<b>92.401.133.000</b>	-	<b>77.401.133.000</b>	<b>15.000.000.000</b>				
				- Công tác Bảo dưỡng thường xuyên, trong đó:	40.954.532.000	40.954.532.000	-	40.954.532.000					
				+ Bảo dưỡng thường xuyên	38.673.241.000	38.673.241.000	-	38.673.241.000					
				+ Chi khác	713.158.000	713.158.000	-	713.158.000					
				+ Phà Nậm É	1.568.133.000	1.568.133.000	-	1.568.133.000					
				- Sửa chữa định kỳ	25.885.668.000	25.885.668.000	-	25.885.668.000					
				- Sửa chữa đột xuất, trong đó:	25.560.933.000	25.560.933.000	-	10.560.933.000	15.000.000.000				
				+ Khắc phục lụt bão, ĐBGT bước 1 năm 2021	2.717.846.000	2.717.846.000	-	2.717.846.000					
				+ Khẩn cấp khắc phục lũ bão, ĐBGT bước 1 năm 2022	22.843.087.000	22.843.087.000	-	7.843.087.000	15.000.000.000				